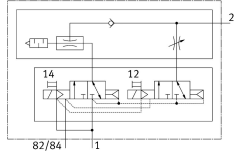


Tấm kết nối chân không VABX-A-P-VE-BH-VB07H

Số bộ phận: 8233483

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chiều rộng lắp đặt	12.5 mm
Rộng	12.55 mm
Chiều dài	150.8 mm
Chiều rộng định mức vòi phun laval	0.7 mm
Kích thước lưới	12.55 mm
Kích thước van	10 mm
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Thiết kế bộ giảm thanh	mở
Kiểu vận hành	điện
Chống phân cực	có
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Đặc điểm của bơm phun	chân không cao
Phần tử điều chỉnh	Vít có rãnh
Số lượng tối đa vị trí van	1
Chức năng tích hợp	Xung phóng điện Van xung phun điện Van tiết lưu Van bật-tắt điện Van một chiều Bộ giảm thanh mở với mô-đun liên kết điện
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
kiểm soát cung cấp không khí	trong
Chức năng van	2x3 / 2 chiều, monostable, đóng
Số lượng cuộn van tối đa	2
Tương thích với	Cụm van VTUX-A-P
Kiểu hiển thị	Đèn LED
Hiển thị trạng thái tín hiệu	Đèn LED màu vàng, điều khiển van
Áp suất hoạt động cho dòng thể tích hút tối đa	0.3 MPA
Áp suất hoạt động cho lưu lượng thể tích hút tối đa	3 bar

Đặc tính	Giá trị
Áp suất vận hành cho lưu lượng theo thể tích hút tối đa	43.5 psi
Áp suất vận hành	0.2 MPA...0.7 MPA 2 bar...7 bar
Áp suất vận hành cho chân không tối đa	0.44 MPA 4.4 bar
Áp suất làm việc cho chân không tối đa	63.8 psi
Chân không tối đa	93 kPa
Áp suất làm việc danh nghĩa	0.6 MPA
Áp suất vận hành định mức	6 bar
định mức áp suất làm việc	87 psi
Áp suất điều khiển	0.2 MPA...0.7 MPA 2 bar...7 bar
Dòng thể tích hút tối đa so với không khí	18 l/ph
Thời gian thông gió ở áp suất vận hành định mức	0.37 s
Kích thước B x L x H	12,55 mm x 150,8 mm x 68,8 mm
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức	Kiểu 2mA
Chỉ dẫn về điện áp vận hành	Nguồn điện SELV/PELV cần thiết Lưu ý sự sụt giảm điện áp
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Dao động điện áp cho phép	+/- 10 %
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Dầu este < 0,1mg/m³, theo ISO 8573-1:2010 [-:-:2] Không thể hoạt động bằng dầu
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-C1-L
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	5 - 95 %
Mức độ bảo vệ	IP65
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:-]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Chiều cao vận hành định mức	<= 2000 m NHN
Độ cao tối đa	2000 m
trọng lượng sản phẩm	65 g
Bộ điều khiển điện	Đa cực
Kiểu gắn	Ty ren
Cổng nối khí nén 2	QS-4 QS-6 QS-8 QS-5/32 QS-1/8 QS-1/4 QS-5/16 đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm đối với ống mềm bên ngoài Ø 6 mm đối với ống mềm bên ngoài Ø 8 mm cho ống mềm bên ngoài Ø 5/32" cho ống mềm bên ngoài Ø 1/4" cho ống mềm bên ngoài Ø 5/16"
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu tấm kết nối	PA gia cố
Vật liệu phủ	PA gia cố
Vật liệu của phốt	HNBR NBR

Đặc tính	Giá trị
Vật liệu vòi thu gom	POM
Vật liệu vỏ	PA gia cố
Vật liệu măng xông	PA gia cố
Vật liệu đai ốc	thép hợp kim không gỉ
Vật liệu vòng đệm chữ O	HNBR NBR
Vật liệu giảm âm	PP Xốp PU
Vật liệu vòi phun	Hợp kim nhôm rèn